

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN YÊN
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 16-02-2023

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN, TỈNH YÊN BÁI.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Thoảng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Như Cường

2. Bà Vương Thị Thu Lan

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Tiến Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Ông Lộc Hồng Diệp – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 309/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2022 về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trương Thị H, sinh năm 1999

Địa chỉ: Thôn G, xã T, huyện V, tỉnh Yên Bái (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Trần Văn C, sinh năm 1996

Địa chỉ: Thôn G, xã T, huyện V, tỉnh Yên Bái (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai nguyên đơn chị Trương Thị H trình bày: Tôi và anh Trần Văn C tự nguyện về chung sống với nhau từ tháng 05/2016. Đến ngày 23/05/2017 chúng tôi tự nguyện đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 07/2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách vợ chồng không hợp, anh C tính cách vũ phu rất hay đánh tôi vô cớ từ đó dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng thường xuyên xảy ra. Chúng tôi đã sống ly thân nhau từ tháng 07/2021 cho đến nay không ai quan tâm đến ai cả. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn gì nữa. Đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn anh C.

Về con chung: Có 02 cháu: Trần Thị T sinh ngày 12/06/2017; Trần Thị Thanh T sinh ngày 29/01/2020. Hiện nay cả hai con đang ở cùng tôi. Khi ly hôn tôi

có nguyện vọng nuôi hai con và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Tôi đi bán hàng thuê gần trạm thu phí thu nhập một tháng 9.000.000đồng đủ điều kiện để nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Văn C trình bày: Tôi và chị Trương Thị H tự nguyện về chung sống với nhau từ tháng 05/2016. Đến ngày 23/05/2017 chúng tôi tự nguyện đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu. Đến tháng 07/2021 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không còn hòa hợp, quan điểm bất đồng, vợ chồng không có tiếng nói chung, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 07/2021 cho đến nay không còn quan tâm gì đến nhau. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn. Chị H xin ly hôn. Tôi đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 02 cháu: Trần Thị T sinh ngày 12/06/2017; Trần Thị Thanh T sinh ngày 29/01/2020. Hiện nay cả hai con đang ở cùng chị H. Khi ly hôn chị H có nguyện vọng nuôi hai con và không yêu cầu tôi cấp dưỡng nuôi con. Tôi đồng ý.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái đã trực tiếp giao cho anh C Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh C không có mặt theo giấy tờ của Tòa án nên Tòa án không thể hòa giải theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự được.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng dân sự, quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Trương Thị H được ly hôn anh Trần Văn C.

Về con chung: Căn cứ Điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình xử giao hai cháu Trần Thị T sinh ngày 12/06/2017; Trần Thị Thanh T sinh ngày 29/01/2020 cho chị Trương Thị H nuôi dưỡng. Anh Trần Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Trương Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp về Hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của Tòa án là đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại khoản 1 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tư cách người tham gia tố tụng: Tòa án đã xác định đúng tư cách của người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn, bị đơn trong vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị H và anh Trần Văn C kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Yên Bái vào ngày 23 tháng 05 năm 2017 là hôn nhân hợp pháp. Chị H cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 07/2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách vợ chồng không hợp từ đó dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng thường xuyên xảy ra. Anh chị đã sống ly thân nhau từ tháng 07/2021 cho đến nay không ai quan tâm đến ai cả. Còn anh C cho rằng vợ chồng mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không còn hòa hợp, quan điểm bất đồng, vợ chồng không có tiếng nói chung, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 07/2021 cho đến nay không còn quan tâm gì đến nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn. Chị H xin ly hôn, anh C đồng ý ly hôn.

Tại điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *“Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”*.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, phát biểu đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Đã xác định mâu thuẫn vợ chồng xảy ra dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Chị H và anh C hiện nay đã sống ly thân nhau không ai quan tâm đến ai nữa. Từ đó có căn cứ cho rằng tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh C đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần áp dụng điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 để xử cho chị H được ly hôn anh C là có căn cứ.

[4] Về con chung: Có 02 cháu: Trần Thị T sinh ngày 12/06/2017; Trần Thị Thanh T sinh ngày 29/01/2020. Hiện nay cả hai cháu đang ở cùng chị H. Khi ly hôn chị H nhận nuôi hai con và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Công việc của chị H đi bán hàng thu nhập một tháng 9.000.000 đồng đủ điều kiện để nuôi hai con. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho các cháu được ổn định, đầy đủ và không làm xáo trộn cuộc sống của hai cháu. Do vậy cần giao hai cháu Trần Thị T và cháu Trần Thị Thanh T cho chị Trương Thị H nuôi dưỡng. Anh Trần Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con. Yêu cầu của chị H không trái quy định tại điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[8] Phần đề nghị tại phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật. Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trương Thị H được ly hôn anh Trần Văn C.

2. Về con chung: Có 02 cháu: Trần Thị T sinh ngày 12/06/2017; Trần Thị Thanh T sinh ngày 29/01/2020.

Xử giao hai cháu Trần Thị T và cháu Trần Thị Thanh T cho chị Trương Thị H trực tiếp chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định pháp luật. Anh Trần Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm con không ai được ngăn cản.

3. Về án phí: Chị Trương Thị H phải chịu 300.000đồng tiền án dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: AA/2021/0003198 ngày 19 tháng 12 năm 2022 tại Thi hành án dân sự huyện Văn Yên. Xác nhận chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Văn Yên;
- Chi cục THADS huyện Văn Yên;
- Các đương sự (2)
- UBND xã T.
- Lưu HS (2)-TQĐ(2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Thị Thoảng